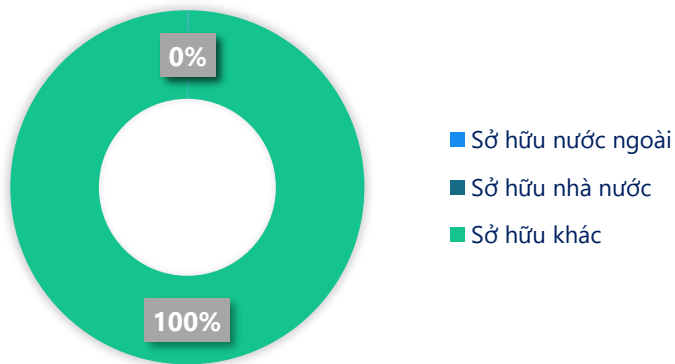


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
SL cổ phiếu LH		229,999,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,942,010
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,392
P/E		14.5
EPS		717

	YTD	1T	3T	6T
AAS	15.6%	16.9%	-8.0%	15.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

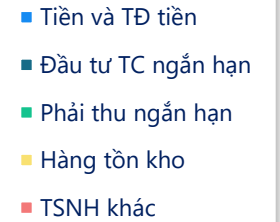
Cơ cấu Tổng tài sản

Q4/25
Q3/25
Q2/25
Q1/25
Q4/24



(Nguồn: fireant.vn)

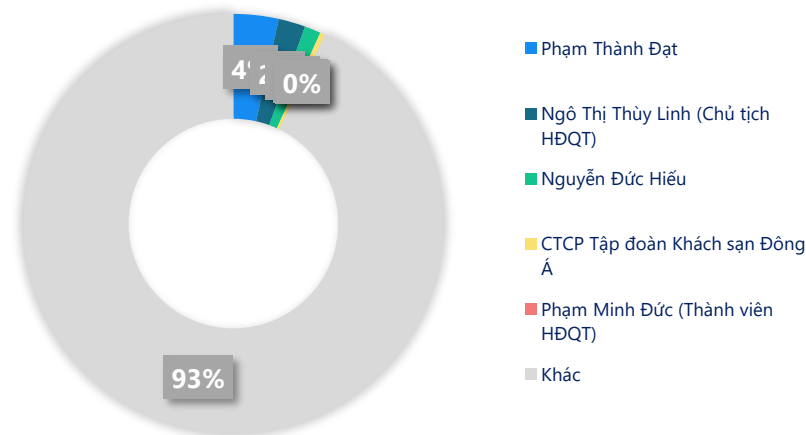
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

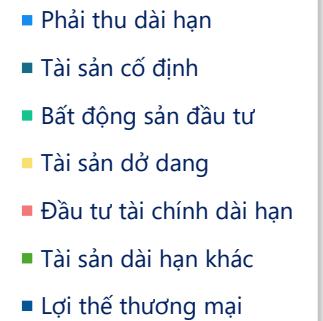
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

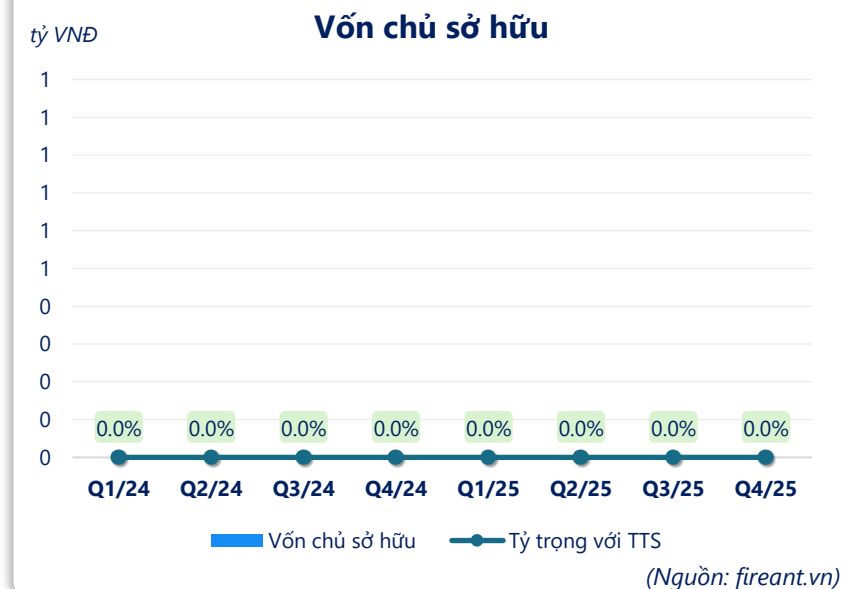
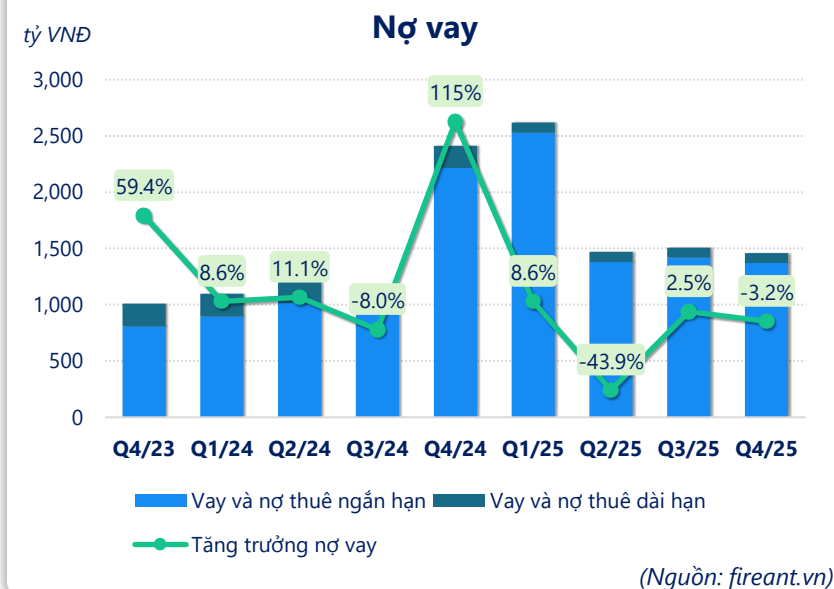
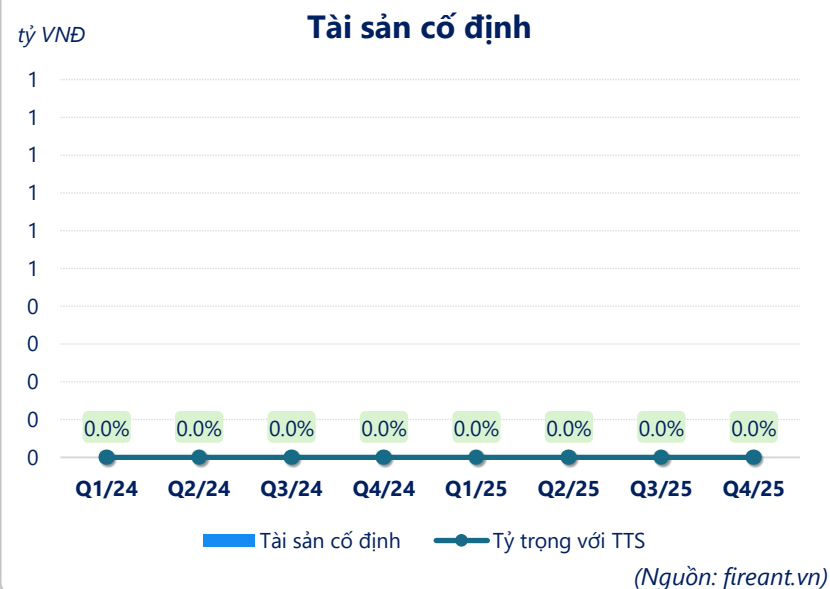
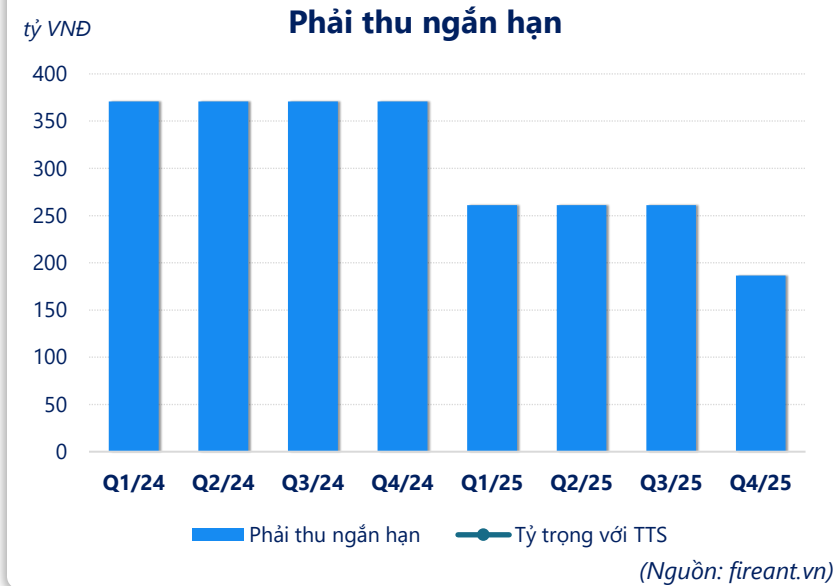
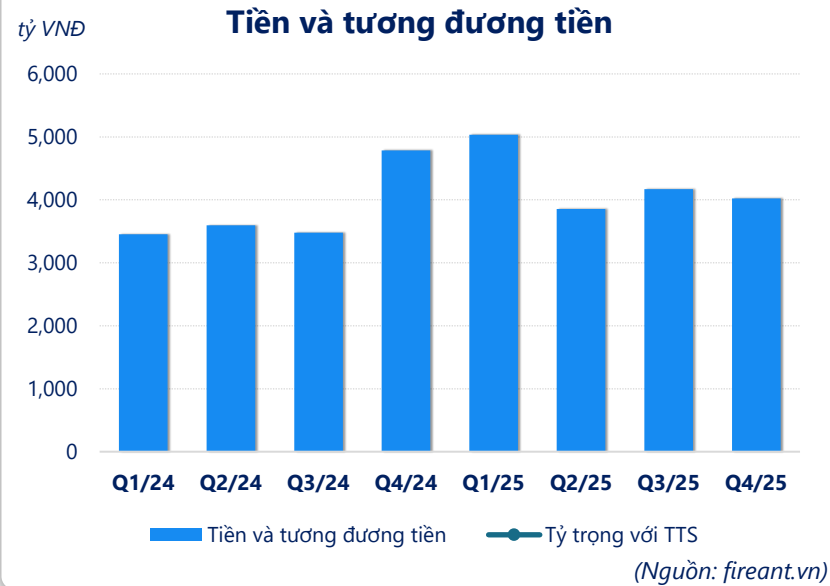
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

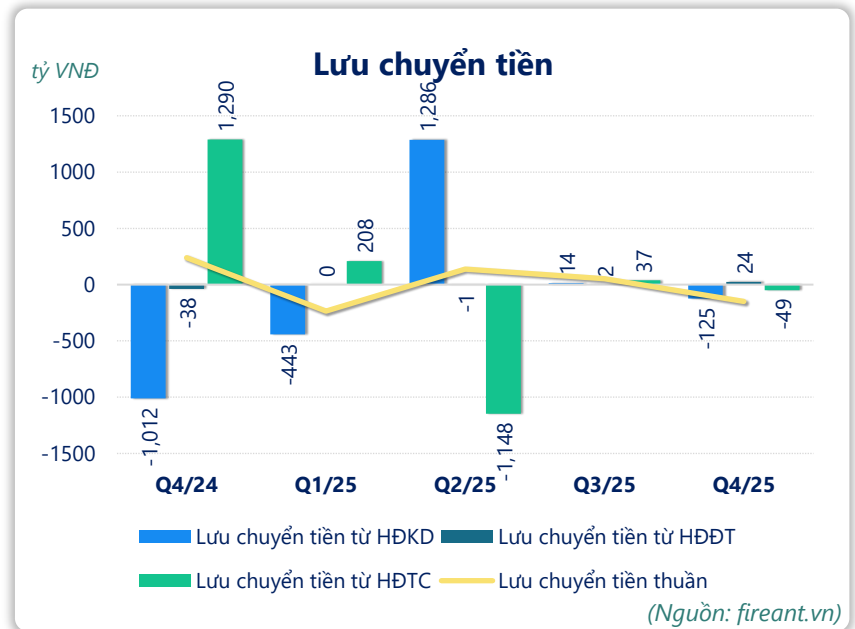
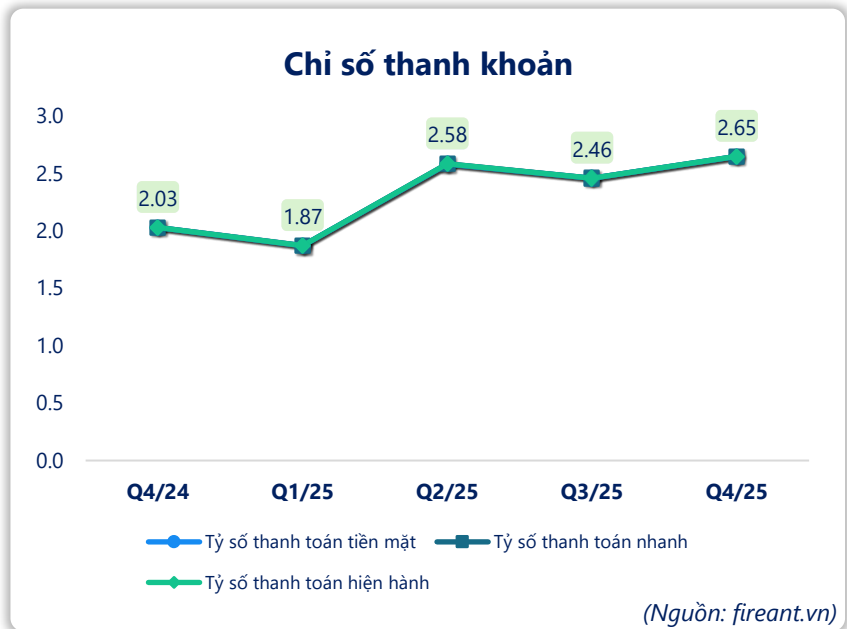
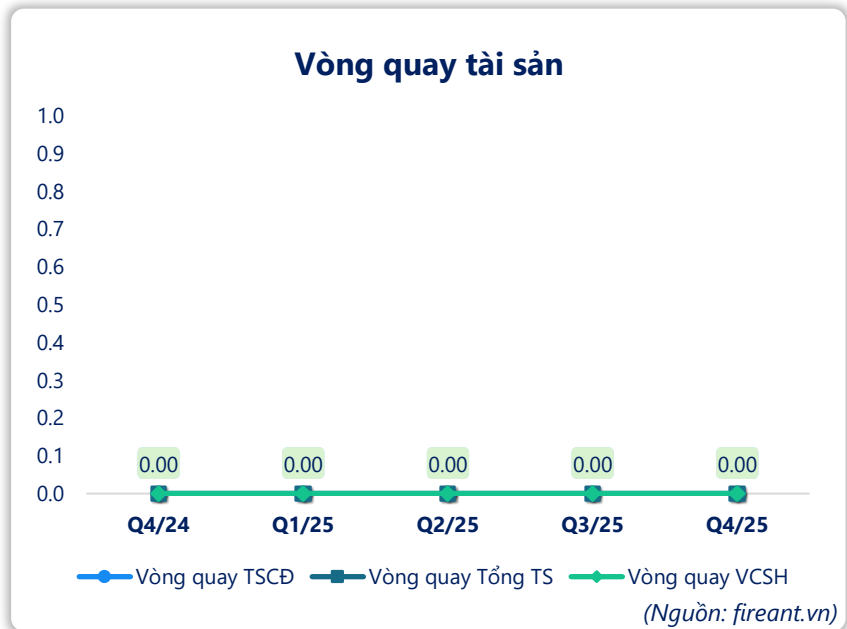
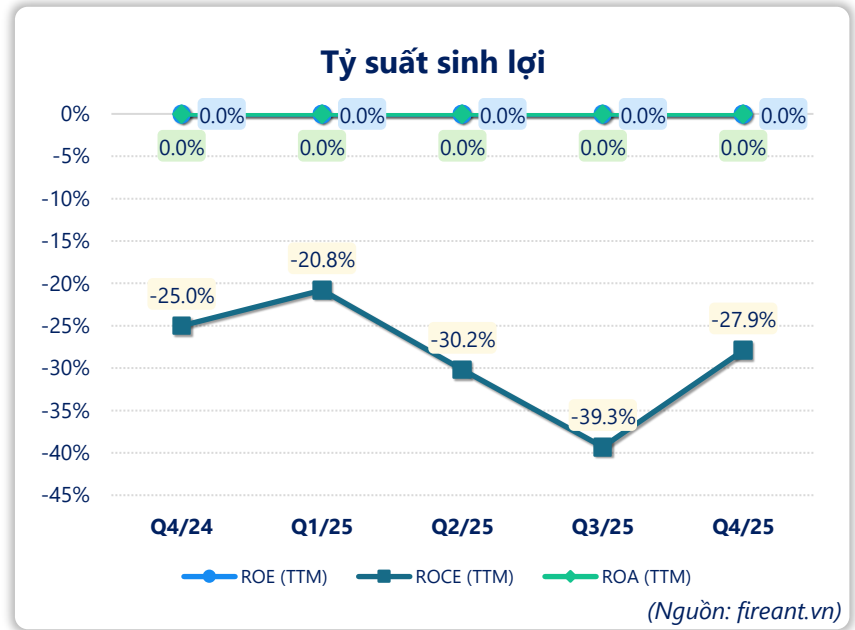
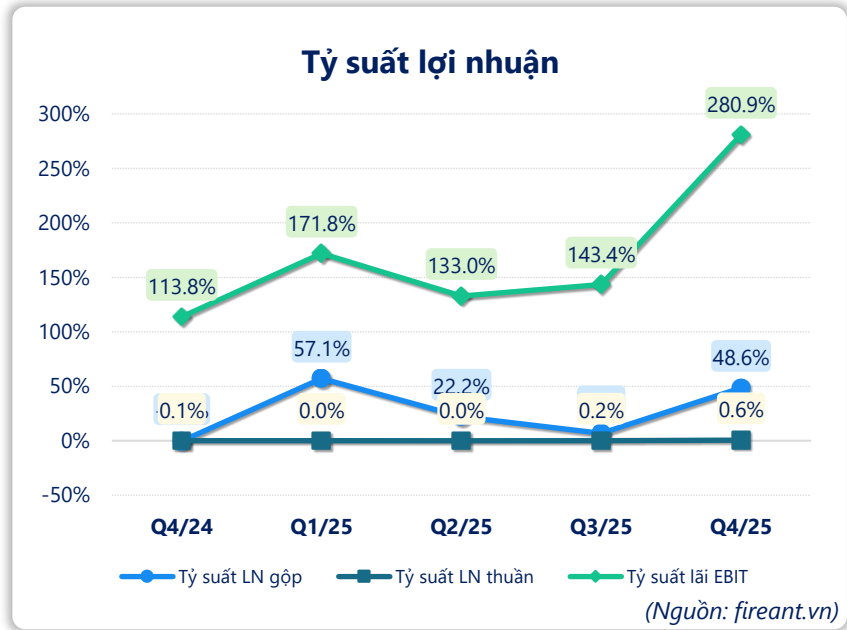
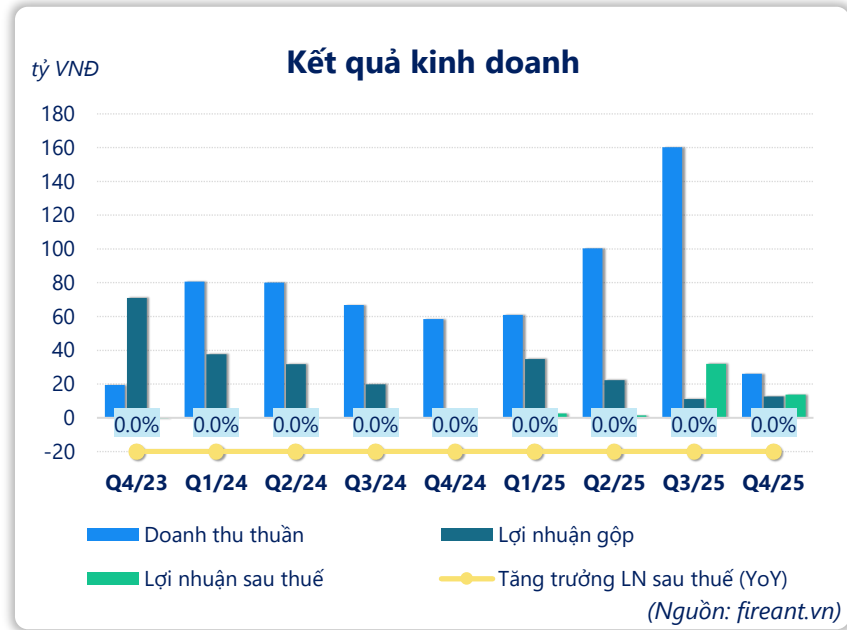
0.00%



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	4,024	4,785	-15.9%
Tiền và tương đương tiền	4,023	4,784	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	187	371	-49.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1.13	0.99	14.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	200	184	8.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.42	0.96	-55.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,608	2,562	-37.2%
Nợ ngắn hạn	1,520	2,366	-35.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,370	2,214	-38.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	88.3	196	-55.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	58.4	60.9	100	160	26.1
Giá vốn hàng bán	0.32	1.72	3.50	43.5	21.8
Lợi nhuận gộp	-0.16	34.8	22.3	11.1	12.7
Doanh thu HĐTC	1.77	1.83	2.10	4.79	3.69
Chi phí TC	1.98	1.76	1.76	2.76	4.13
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.82	2.95	2.84	6.71	4.43
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	0.08	0.03	0	0.28	0.14
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	66.5	105	133	230	73.4
Lợi nhuận sau thuế	0	2.58	1.51	31.9	13.7
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,012	-443	1,286	13.9	-125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-38.4	0.07	-0.56	1.53	23.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,290	208	-1,148	37.0	-48.8
Tiền đầu kỳ	55.9	295	59.9	197	250
Lưu chuyển tiền thuần	239	-235	137	52.5	-150
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	295	59.9	197	250	99.7

(Nguồn: fireant.vn)